

Số: 33/2020/CNT-CBTT

Nha Trang, ngày 28 tháng 03 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

1. **Tên công ty:** Công Ty cổ phần Cảng Nha Trang
2. **Mã chứng khoán:** CNH
3. **Trụ sở chính:** số 05 Trần Phú – P. Vĩnh Nguyên – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
4. **Điện thoại:** 0258. 3590183 – Fax: 0258. 3590017
5. **Người thực hiện công bố thông tin:** Bà Lê Hoàng Thiên Hương - chức vụ Tổng giám đốc
Địa chỉ: số 05 Trần Phú – P. Vĩnh Nguyên – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
6. **Loại công bố thông tin:** 24h 72h yêu cầu Bất thường Định kỳ
7. **Nội dung thông tin công bố:**
 - Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019
 - Giải trình Báo cáo tài chính năm 2019 về việc lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2019 lỗ và lợi nhuận sau thuế năm 2019 thay đổi hơn 10% so với năm 2018
8. **Địa chỉ website đăng tải công bố thông tin:** www.nhatrangport.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Website, CBTT;
- Lưu TCHC;



NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

**LÊ HOÀNG THIÊN HƯƠNG
Tổng Giám đốc**



Số: 32.../2020/CNT



“V/v: Giải trình BCTC kiểm toán năm 2019”

Nha Trang, ngày 26 tháng 03 năm 2020

GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NĂM 2019

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Tên Công ty: Công Ty cổ phần Cảng Nha Trang (“*Công ty*”)

Mã chứng khoán: CNH

Căn cứ Khoản 4 Điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty xin giải trình như sau:

I. Lợi nhuận thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước:

Lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2019 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm 2018 số liệu như sau:

TT	Chỉ tiêu	2019 (đồng)	2018 (đồng)	Chênh lệch	% tăng/giảm
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(377.141.635)	(8.611.744.241)	8.234.602.606	(95,62%)

- LN sau thuế TNDN năm 2019 của Công ty giảm lỗ 95,62% so với năm 2018

- Nguyên nhân: Do trong năm 2019 Công ty đã giảm chi phí hoạt động.

II. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ

Kết quả kinh doanh năm 2019 của Công ty lỗ: 377.141.635 đồng do nguyên nhân trong năm 2019, Công ty phát sinh các khoản chi phí hoạt động nên làm chi phí tăng lên nhưng doanh thu không thay đổi nên phát sinh lỗ.

Công ty xin giải trình và chịu trách nhiệm việc giải trình nêu trên.

Trân trọng kính chào.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Website, CBTT;
- Lưu TCHC;



LÊ HOÀNG THIÊN HƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 30

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Nha Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Nha Trang là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty TNHH Một thành viên Cảng Nha Trang theo Quyết định số 103/QĐ – HHVN ngày 15 tháng 3 năm 2013 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200238776, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ tư ngày 23 tháng 3 năm 2018 về việc thay đổi người đại diện theo Pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại : (0258) 3 590 183
- Fax : (0258) 3 590 017

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Kinh doanh dịch vụ bảo quản và giao nhận hàng hóa. Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu biển, cứu hộ hàng hải. Kinh doanh dịch vụ logistics. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, môi giới hàng hải. Dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động vận tải biển và cảng biển. Quản lý, khai thác cầu cảng. Cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác. Cung ứng các dịch vụ phục vụ chủ tàu và khách du lịch qua cảng;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan, kho ICD;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kinh doanh khách sạn;
- Kinh doanh nhà hàng
- Kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki ốt, trung tâm thương mại);
- Cho thuê cầu cảng, kho bãi chứa hàng. Cho thuê thiết bị xếp dỡ, phương tiện vận tải thủy, bộ và các thiết bị chuyên dùng hàng hải khác;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bán hàng miễn thuế.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Đặng Thanh Thủy	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Huyền Trân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2019
Bà Lê Hoàng Thiên Hương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2019
Bà Hà Thị Kim Hồng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2019
Bà Nguyễn Thu Phương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Hồ Vĩnh Phúc	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2019
Ông Phạm Quang Long	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2019
Bà Lương Sau Kín	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thắm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2019

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Lê Hoàng Thiên Hương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Cao Thái	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2014

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Lê Hoàng Thiên Hương – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Nha Trang tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020



Lê Hoàng Thiên Hương
Tổng Giám đốc

001-C
'H
NHH
TƯ V
C
NG
HÀNH

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 3.0108/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Nha Trang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Nha Trang tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Nha Trang



Nguyễn Văn Kiên – Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2018-008-1

Nguyễn Thị Kim Hồng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1513-2018-008-1

Nha Trang, ngày 26 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		93.843.747.712	65.998.970.565
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.762.898.678	1.635.415.144
1. Tiền	111		13.762.898.678	635.415.144
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	61.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	-	61.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79.374.791.516	2.549.843.695
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	8.576.703.699	3.241.046.726
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.854.937.233	3.345.807.233
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	28.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	44.244.913.270	1.068.127.439
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(5.301.762.686)	(5.105.137.703)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.840.000	3.840.000
1. Hàng tồn kho	141	V.8	3.840.000	3.840.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		702.217.518	809.871.726
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.438	107.664.646
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	702.207.080	702.207.080
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		142.697.604.572	171.683.154.740
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		823.924.470	1.246.375.954
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	823.924.470	1.246.375.954
- Nguyên giá	222		8.613.067.679	8.613.067.679
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.789.143.209)	(7.366.691.725)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	140.710.756.502	154.641.322.387
- Nguyên giá	231		297.448.648.027	297.448.648.027
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(156.737.891.525)	(142.807.325.640)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.162.923.600	2.294.347.300
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.162.923.600	2.294.347.300
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	13.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	-	13.500.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	1.109.099
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	1.109.099
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		236.541.352.284	237.682.125.305

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		8.105.630.585	8.869.261.971
I. Nợ ngắn hạn	310		8.105.630.585	8.869.261.971
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	2.669.584.785	5.080.224.445
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	2.723.850
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	4.373.739.400	2.661.023.016
4. Phải trả người lao động	314	V.15	56.880.950	48.231.680
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	51.930.550	50.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	953.494.900	1.027.058.980
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

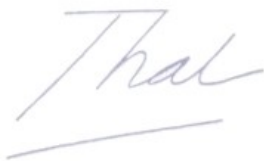
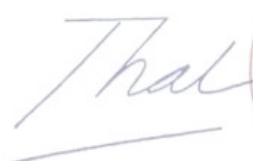
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		228.435.721.699	228.812.863.334
I. Vốn chủ sở hữu	410		228.435.721.699	228.812.863.334
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	245.390.490.000	245.390.490.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		245.390.490.000	245.390.490.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	(16.954.768.301)	(16.577.626.666)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(16.577.626.666)	(16.577.626.666)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(377.141.635)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		236.541.352.284	237.682.125.305

Nha Trang, ngày 26 tháng 3 năm 2020


Nguyễn Cao Thái
Người lập biểu

Nguyễn Cao Thái
Kế toán trưởngLê Hoàng Thiên Hương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

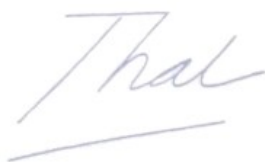
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

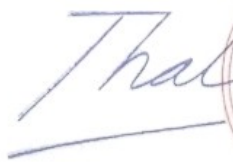
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	17.000.000.000	17.212.000.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		17.000.000.000	17.212.000.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	13.725.206.409	15.126.269.691
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.274.793.591	2.085.730.309
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.966.891.476	3.120.528.118
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	14.002.083	1.493.985
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.980.822	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	6.000.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.787.068.879	11.406.351.669
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		440.614.105	(6.207.587.227)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.723.850	39.094.692
12. Chi phí khác	32	VI.7	820.479.590	2.443.251.706
13. Lợi nhuận khác	40		(817.755.740)	(2.404.157.014)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(377.141.635)	(8.611.744.241)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(377.141.635)	(8.611.744.241)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(15)	(351)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	(15)	(351)



Nguyễn Cao Thái
Người lập biểu



Nguyễn Cao Thái
Kế toán trưởng



Nha Trang, ngày 26 tháng 3 năm 2020

Lê Hoàng Thiên Hương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(377.141.635)	(8.611.744.241)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	14.353.017.369	16.339.552.324
- Các khoản dự phòng	03	V.7	196.624.983	3.920.755.563
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	21.261	(237.327)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(2.966.891.476)	(2.919.408.973)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	13.980.822	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.219.611.324	8.728.917.346
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(47.680.080.596)	3.953.091.560
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.647.008.274	38.291.656
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.109.099	23.998.527
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VII.1b	(13.980.822)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	-	(58.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(34.826.332.721)	12.686.299.089
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.432.665.960)	(47.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	VII.1b	(32.500.000.000)	(71.361.337.222)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a; VII.1b	65.500.000.000	14.415.515.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2b	13.500.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6; VI.3	1.886.503.476	2.486.574.593
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		46.953.837.516	(54.506.247.629)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		12.127.504.795	(41.819.948.540)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.635.415.144	43.455.126.357
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.4	(21.261)	237.327
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	13.762.898.678	1.635.415.144

Nguyễn Cao Thái
Người lập biểu

Nguyễn Cao Thái
Kế toán trưởng



Nha Trang, ngày 26 tháng 3 năm 2020

Lê Hoàng Thiên Hương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Nha Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, khai thác cảng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa; dẫn dắt tàu ra vào cảng trong khu vực; kinh doanh kho bãi và vận chuyển hàng hóa đường thủy, bộ; cung ứng các dịch vụ phục vụ chủ tàu và khách hàng qua cảng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm này.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 6 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 5 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các Năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	25

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là Nhà: từ 05 đến 20 năm.

Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 3382/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2018 về việc thu hồi đất Kho cảng Bình Tân tại số 01A đường Phước Long, phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa do đất được Nhà nước cho thuê có thời hạn nhưng không được gia hạn. Thời hạn bàn giao đất trong 3 tháng kể từ ngày ký quyết định. Theo đó, một số tài sản là nhà trên đất thuộc Kho cảng Bình Tân có thời gian khấu hao còn lại từ 04 đến 08 năm, Công ty đã khấu hao giá trị còn lại trong 3 tháng (tháng 11 năm 2018, tháng 12 năm 2018 và tháng 01 năm 2019).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt) để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính Công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	12.640.825	8.354.079
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.750.257.853	627.061.065
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	-	1.000.000.000
Cộng	<u>13.762.898.678</u>	<u>1.635.415.144</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số đầu năm là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ngắn hạn.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Số đầu năm là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Vân Phong 13.500.000.000VND, tương đương 11,25% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã thanh lý khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cảng Vân Phong	5.844.918.222	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ MH	1.799.658.815	2.149.658.815
Các khách hàng khác	932.126.662	1.091.387.911
Cộng	8.576.703.699	3.241.046.726

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Nam Long	2.845.926.155	2.845.926.155
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật biển	405.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	604.011.078	499.881.078
Cộng	3.854.937.233	3.345.807.233

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Số cuối năm là khoản cho Công ty Cổ phần Vinpearl (là bên liên quan) vay với lãi suất 9%/năm, kỳ hạn vay là 14 tháng kể từ ngày giải ngân.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	2.052.616.439	-	-	-
Công ty Cổ phần Vinpearl - Lãi cho vay dự thu	2.052.616.439	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	42.192.296.831	(95.899.000)	1.068.127.439	(95.899.000)
Công ty Cổ phần Du lịch Hòn Một	42.096.397.831	-	-	-
Lãi tiền gửi dự thu	-	-	972.228.439	-
Chi cục Hàng hải phía Nam	95.899.000	(95.899.000)	95.899.000	(95.899.000)
Cộng	44.244.913.270	(95.899.000)	1.068.127.439	(95.899.000)

7. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Nam Long - Trả trước hợp đồng xây dựng	Trên 3 năm	2.845.926.155	-	Trên 3 năm	2.845.926.155	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ MH - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Từ 2-3 năm	1.799.658.815	539.897.645	Từ 2-3 năm	2.149.658.815	1.074.829.407
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình thủy I - Trả trước phí sửa chữa cầu tàu	Trên 3 năm	171.812.078	-	Trên 3 năm	171.812.078	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Một thành viên Vinalines Nha Trang - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	167.927.170	-	Trên 3 năm	167.927.170	-
Công ty TNHH Quỳnh Hưng - Phải thu tiền cho thuê tàu	Trên 3 năm	150.000.000	-	Trên 3 năm	150.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Từ 1 năm đến trên 3 năm	711.347.492	5.011.380	Từ 1 năm đến trên 3 năm	694.642.892	-
Cộng		5.846.671.710	544.909.025		6.179.967.110	1.074.829.407

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.105.137.703	1.184.382.140
Trích lập dự phòng bổ sung	196.624.983	3.920.755.563
Số cuối năm	5.301.762.686	5.105.137.703

8. Hàng tồn kho

Là vật tư tồn kho cuối năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.182.356.544	7.346.038.782	84.672.353	8.613.067.679
Số cuối năm	1.182.356.544	7.346.038.782	84.672.353	8.613.067.679
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	908.173.363	4.926.475.146	-	5.834.648.509
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	970.642.545	6.357.817.525	38.231.655	7.366.691.725
Khấu hao trong năm	54.449.685	356.198.899	11.802.900	422.451.484
Số cuối năm	1.025.092.230	6.714.016.424	50.034.555	7.789.143.209
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	211.713.999	988.221.257	46.440.698	1.246.375.954
Số cuối năm	157.264.314	632.022.358	34.637.798	823.924.470
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Nhà			
Số đầu năm	297.448.648.027	142.807.325.640	154.641.322.387
Khấu hao trong năm	-	13.930.565.885	-
Số cuối năm	297.448.648.027	156.737.891.525	140.710.756.502
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	29.971.596.208	-	-

Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	2.294.347.300	(1.131.423.700)	1.162.923.600
- Dự án Cụm công trình phía bắc Cảng Nha Trang	1.162.923.600	-	1.162.923.600
- Dự án Công trình bến tàu du lịch Vĩnh Trường	1.131.423.700	(1.131.423.700)	-
Cộng	2.294.347.300	(1.131.423.700)	1.162.923.600

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế với số tiền 8.338.407.450 VND, chi tiết như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Năm 2014	1.594.310.813
Năm 2016	2.870.534.087
Năm 2017	552.547.843
Năm 2018	3.321.014.707
Cộng	8.338.407.450

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	2.609.002.399	2.609.002.399
Trung tâm Nghiên cứu Địa kỹ thuật	-	2.410.639.660
Các nhà cung cấp khác	60.582.386	60.582.386
Cộng	2.669.584.785	5.080.224.445

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	1.576.813.127	(1.576.813.127)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	702.207.080	-	-	-	702.207.080
Thuế thu nhập cá nhân	3.261.350	-	7.157.600	(7.619.550)	2.799.400	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	44.639.300	(44.639.300)	-	-
Tiền thuê đất	2.657.761.666	-	4.827.131.300	(3.113.952.966)	4.370.940.000	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	2.661.023.016	702.207.080	6.458.741.327	(4.746.024.943)	4.373.739.400	702.207.080

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Tiền sử dụng nước sạch, phí thoát nước	5%
Dịch vụ cho thuê tài sản, tiền sử dụng điện	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(377.141.635)	(8.611.744.241)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	832.194.071	5.291.033.609
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(304.075)
Thu nhập chịu thuế	455.052.436	(3.321.014.707)
Lỗi các năm trước được chuyển	(455.052.436)	-
Thu nhập tính thuế	-	(3.321.014.707)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Tiền thuê đất

Công ty nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khu vực	Diện tích (m ²)	Đơn giá (VND/m ²)
Văn phòng nhà điều hành	1.532,90	52.200
Cầu cảng, bãi chứa hàng		
- Mặt đất	9.200,30	38.400
- Mặt nước	12.567,90	70
Bể áp lực nước Núi Chụt	500	8.000
Kho Bình Tân ⁽ⁱ⁾	60.707,50	72.000
Trạm bơm nước ngọt dốc Chụt	204,7	52.200

⁽ⁱ⁾ Theo Thông báo số 2875/TB-CT ngày 26/04/2019 của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa, Công ty phải nộp bổ sung tiền thuê khu đất Kho Bình Tân (số 01 Phước Long) từ năm 2014 đến năm 2018 với số tiền là 5.123.505.300 VND. Thực tế, Công ty đã nộp tiền thuê đất tới năm 2018 đối với khu đất Kho Bình Tân. Công ty đã có văn bản gửi các cơ quan có thẩm quyền liên quan về tiền thuê khu đất Kho Bình Tân. Tại thời điểm lập Báo cáo này, Công ty chưa nhận được ý kiến của các cơ quan thẩm quyền liên quan.

Trong năm Công ty đã nộp tiền thuê đất theo thông báo của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí trích trước phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	35.739.158	31.303.238
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	795.000.000	873.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	122.755.742	122.755.742
Cộng	953.494.900	1.027.058.980

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	245.390.490.000	(7.965.882.425)	237.424.607.575
Lợi nhuận trong năm trước	-	(8.611.744.241)	(8.611.744.241)
Số dư cuối năm trước	245.390.490.000	(16.577.626.666)	228.812.863.334
Số dư đầu năm nay	245.390.490.000	(16.577.626.666)	228.812.863.334
Lợi nhuận trong năm nay	-	(377.141.635)	(377.141.635)
Số dư cuối năm nay	245.390.490.000	(16.954.768.301)	228.435.721.699

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký là 245.390.490.000 VND, chi tiết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Vinpearl	225.600.490.000	225.600.490.000
Các cổ đông khác	19.790.000.000	19.790.000.000
Cộng	<u>245.390.490.000</u>	<u>245.390.490.000</u>

18c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.539.049	24.539.049
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	24.539.049	24.539.049
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.539.049	24.539.049

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền ngoại tệ chỉ có 494.43 USD (số đầu năm là 494.43 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

Là doanh thu cho thuê kho bãi.

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn cho thuê kho bãi.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	914.275.037	3.120.290.791
Lãi tiền cho vay	2.052.616.439	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	237.327
Cộng	<u>2.966.891.476</u>	<u>3.120.528.118</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay (xem thuyết minh số VII.1b)	13.980.822	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	21.261	1.493.985
Cộng	<u>14.002.083</u>	<u>1.493.985</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	513.056.084	673.485.776
Chi phí vật liệu quản lý	-	715.909
Tiền thuê đất, thuế, phí và lệ phí	4.874.770.600	5.405.352.866
Dự phòng phải thu khó đòi	196.624.983	3.920.755.563
Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.075.182	112.710.890
Các chi phí khác	59.542.030	1.293.330.665
Cộng	<u>5.787.068.879</u>	<u>11.406.351.669</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xử lý công nợ	2.723.850	32.744.692
Thu nhập khác	-	6.350.000
Cộng	<u>2.723.850</u>	<u>39.094.692</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khấu hao tài sản trên đất bị thu hồi	628.920.059	1.303.007.915
Quỹ khen thưởng phúc lợi chi vượt các năm trước	-	810.023.485
Chi phí dự án Cảng tổng hợp đa năng đã dừng thi công	-	200.881.818
Thuế bị phạt, bị truy thu	191.559.531	129.327.488
Xử lý công nợ	-	11.000
Cộng	<u>820.479.590</u>	<u>2.443.251.706</u>

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(377.141.635)	(8.611.744.241)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(377.141.635)	(8.611.744.241)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	24.539.049	24.539.049
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>(15)</u>	<u>(351)</u>

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	10.968.284
Chi phí nhân công	513.056.084	752.958.683
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.724.097.310	15.036.544.409
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.184.281	112.710.890
Chi phí khác	5.130.937.613	10.625.439.094
Cộng	<u>19.512.275.288</u>	<u>26.538.621.360</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 260.000.000 VND (năm trước là 295.961.000 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Cổ phần Vinpearl - công ty mẹ, sở hữu 91,94% vốn điều lệ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch với các bên liên quan khác trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cho vay	32.500.000.000	-
Công ty thu hồi gốc vay	4.500.000.000	-
Lãi cho vay phải thu	2.052.616.439	-
Công ty vay	2.700.000.000	-
Công ty trả nợ gốc vay	2.700.000.000	-
Lãi tiền vay đã trả	13.980.822	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.5 và V.6.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực cho thuê kho và hạ tầng cảng biển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế tín dụng với các quy định chặt chẽ về hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế tín dụng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty TNHH Cảng Vân Phong và Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ MH với số dư nợ tại ngày kết thúc năm tài chính chiếm 89% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm chiếm 66%). Các khách hàng khác có số dư dưới 5% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp. Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.762.898.678	-	13.762.898.678
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng	5.511.622.822	3.065.080.877	8.576.703.699
Phải thu về cho vay	28.000.000.000	-	28.000.000.000
Các khoản phải thu khác	44.149.014.270	95.899.000	44.244.913.270
Cộng	91.423.535.770	3.160.979.877	94.584.515.647
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.635.415.144	-	1.635.415.144
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	61.000.000.000	-	61.000.000.000
Phải thu khách hàng	175.965.849	3.065.080.877	3.241.046.726
Phải thu về cho vay	-	-	-
Các khoản phải thu khác	972.228.439	95.899.000	1.068.127.439
Cộng	63.783.609.432	3.160.979.877	66.944.589.309

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống, như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	2.669.584.785	5.080.224.445
Các khoản phải trả khác	969.686.292	1.045.755.742
Cộng	<u>3.639.271.077</u>	<u>6.125.980.187</u>

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Công ty không có rủi ro thị trường.

3d. *Tài sản đảm bảo*

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

4. **Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.762.898.678	-	1.635.415.144	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	61.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	8.576.703.699	(1.990.251.470)	3.241.046.726	(1.990.251.470)
Phải thu về cho vay	28.000.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu khác	44.244.913.270	(95.899.000)	1.068.127.439	(95.899.000)
Cộng	<u>94.584.515.647</u>	<u>(2.086.150.470)</u>	<u>66.944.589.309</u>	<u>(2.086.150.470)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA TRANG

Địa chỉ: Số 05 đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	2.669.584.785	5.080.224.445
Các khoản phải trả khác	969.686.292	1.045.755.742
Cộng	3.639.271.077	6.125.980.187

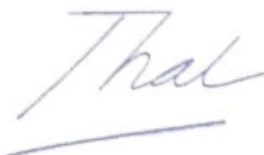
Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Nha Trang, ngày 26 tháng 3 năm 2020



Nguyễn Cao Thái
Người lập biểu



Nguyễn Cao Thái
Kế toán trưởng



Lê Hoàng Thiên Hương
Tổng Giám đốc